

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2067/UBND-KT

Đồng Nai, ngày 10 tháng 3 năm 2017

V/v tham gia ý kiến vào dự thảo Quyết định của TTCP quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô.

Kính gửi: Sở Tài chính.

UBND tỉnh nhận được các Văn bản số 2399/BTC-QLCS ngày 23/02/2017 của Bộ Tài chính về việc tham gia ý kiến vào dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức và chế độ quản lý, sử dụng xe ô tô trong cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp nhà nước (bản sao gửi kèm); Chủ tịch UBND tỉnh có ý kiến như sau:

Giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp các đơn vị có liên quan nghiên cứu, kịp thời dự thảo văn bản của UBND tỉnh tham gia ý kiến theo đề nghị của Bộ Tài chính tại Công văn nêu trên.

Công việc hoàn thành báo cáo UBND tỉnh trước ngày 15/3/2017./.

Nơi nhận:

- Như trên;
 - Chủ tịch và các Phó Chủ tịch;
 - Chánh - Phó Văn phòng;
 - Lưu: VT, KT.
- ThaiTM

**TL. CHỦ TỊCH
KT. CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG**



Lê Sĩ Lâm

BỘ TÀI CHÍNH

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2399 /BTC-QLCS

Hà Nội, ngày 23 tháng 2 năm 2017

V/v xin ý kiến dự thảo Quyết định của TTCP quy định tiêu chuẩn, định mức và chế độ quản lý, sử dụng xe ô tô trong cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp nhà nước

UBND TỈNH ĐỒNG NAI	
Số: 1020A	
ĐẾN Ngày: 31/03/17	
Chuyển:	

Kính gửi:

- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan khác ở Trung ương;
- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Thực hiện Nghị quyết phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 8 năm 2016 số 76/NQ-CP ngày 03/9/2016 của Chính phủ và Chỉ thị số 31/CT-TTg ngày 02/11/2016 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường quản lý, nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản công, Bộ Tài chính đã nghiên cứu xây dựng dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức và chế độ quản lý, sử dụng xe ô tô trong cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp nhà nước (thay thế Quyết định số 32/2015/QĐ-TTg ngày 04/8/2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức và chế độ quản lý, sử dụng xe ô tô trong cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ).

Để có cơ sở báo cáo Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài chính xin gửi Dự thảo Tờ trình Thủ tướng Chính phủ và dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ (đính kèm) để Quý Cơ quan có ý kiến tham gia.

Ý kiến tham gia xin gửi về Bộ Tài chính (Cục Quản lý công sản) số 28 Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội trước ngày 15/03/2017; đồng thời, gửi file ý kiến tham gia vào địa chỉ email: quanlycongsan@mof.gov.vn.

Mong nhận được sự phối hợp của Quý Cơ quan. /-/-

Nơi nhận: *đ*

- Như trên;
- STC các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Lưu: VT, QLCS (175)



Nguyễn Hữu Chí

Số: /TTr-BTC

Hà Nội, ngày tháng năm 2017

Dự thảo

TỜ TRÌNH

Về ban hành Quyết định của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức và chế độ quản lý, sử dụng xe ô tô trong cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp nhà nước

Kính gửi: Thủ tướng Chính phủ

Thực hiện Nghị quyết phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 8 năm 2016 số 76/NQ-CP ngày 03/9/2016 của Chính phủ và Chỉ thị số 31/CT-TTg ngày 02/11/2016 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường quản lý, nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản nhà nước; Bộ Tài chính trình Thủ tướng Chính phủ dự thảo Quyết định quy định tiêu chuẩn, định mức và chế độ quản lý, sử dụng xe ô tô trong cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp nhà nước như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH QUYẾT ĐỊNH

1. Khắc phục những tồn tại, hạn chế của quy định hiện hành:

Ngày 04/8/2015, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 32/2015/QĐ-TTg quy định tiêu chuẩn, định mức và chế độ quản lý, sử dụng xe ô tô trong cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ. Qua thời gian triển khai thực hiện Quyết định số 32/2015/QĐ-TTg, việc quản lý sử dụng xe ô tô công tại các cơ quan, đơn vị đã có tác động tích cực đến trên các mặt sau:

(1) Các Bộ, ngành, địa phương đã thực hiện rà soát, sắp xếp xe ô tô công hiện có theo định mức quy định. Qua rà soát đã xác định được số xe ô tô được phép sử dụng của từng cơ quan, tổ chức, đơn vị; số xe thừa, thiếu so với tiêu chuẩn, định mức; chấn chỉnh một số trường hợp vi phạm trong quản lý, sử dụng xe ô tô; đồng thời, đã ban hành định mức xe ô tô chuyên dùng để có cơ sở quản lý, sử dụng.

(2) Giảm số lượng xe phục vụ công tác chung; Xử lý số xe dôi dư thông qua các hình thức điều chuyển từ nơi thừa sang nơi thiếu, bán, thanh lý thu tiền nộp ngân sách nhà nước.

(3) Một số Bộ ngành, địa phương đã và đang nghiên cứu áp dụng cơ chế khoán kinh phí sử dụng xe ô tô công như Bộ Tài chính, Văn phòng Chính phủ, Bộ Giao thông vận tải, thành phố Hà Nội... Kết quả bước đầu cho thấy cơ chế khoán xe công góp phần tiết kiệm chi ngân sách, được dư luận, nhân dân đồng tình.

Bên cạnh những kết quả đạt được nêu trên là căn bản, việc triển khai Quyết định số 32/2015/QĐ-TTg cũng phát sinh một số vướng mắc như sau:

(1) Tuy số lượng xe phục vụ công tác chung đã giảm, nhưng xe chuyên dùng có xu hướng tăng. Sau khi sắp xếp lại xe ô tô phục vụ công tác chung, một số Bộ, ngành, địa phương tiếp tục chuyển xe phục vụ công tác chung sang xe chuyên dùng. Nguyên nhân chủ yếu do việc quy định phân cấp thẩm quyền ban hành tiêu chuẩn, định mức xe chuyên dùng cho các Bộ, ngành, địa phương dẫn đến việc ban hành tiêu chuẩn, định mức chưa thống nhất và có xu hướng tăng số lượng xe chuyên dùng không hợp lý.

(2) Định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung tại một số cơ quan, đơn vị còn có quy định chưa phù hợp, như: Định mức xe ô tô trang bị cho Văn phòng Hội đồng nhân dân, Văn phòng Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo định mức chung áp dụng cho các sở, ngành (02 xe/1 đơn vị) chưa đáp ứng được yêu cầu công tác; nhiều đơn vị thuộc cấp Cục hoặc trực thuộc cấp Sở (như: Chi cục, Trung tâm, Trường...) chỉ có 01 chức danh có tiêu chuẩn sử dụng xe ô tô (hệ số phụ cấp 0,7 đến dưới 1,25) nhưng cũng được trang bị 01 xe ô tô, nên hiệu quả sử dụng thấp; tiêu chuẩn, định mức trang bị xe ô tô công chưa gắn với chức năng nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị và đặc thù các địa bàn miền núi, địa bàn khó khăn. Tiêu chuẩn xe phục vụ công tác chung ở các địa phương có điều kiện kinh tế - xã hội, điều kiện tự nhiên khác nhau nhưng tiêu chuẩn sử dụng xe như nhau là chưa phù hợp với thực tế.

(3) Chế độ khoán kinh phí sử dụng xe theo cơ chế tự nguyện nên còn ít chức danh đăng ký áp dụng, một số Bộ, ngành, địa phương đã thực hiện hoặc đang trong quá trình xây dựng phương án để thực hiện nhưng còn mang tính thăm dò, thí điểm.

(4) Việc kế thừa quy định trước Quyết định số 32/2015/QĐ-TTg trong việc quy định một đơn giá (đơn giá bình quân của các hãng taxi trên địa bàn) để thực hiện khoán kinh phí sử dụng xe cho các chức danh có đủ tiêu chuẩn là chưa bao quát hết thực tế, chưa thực sự tạo động lực khuyến khích việc thực hiện cơ chế khoán xe công.

2. Chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp tục đổi mới cơ chế quản lý, sử dụng xe công

- Tại tiết a điểm 2 mục I Phần thứ nhất Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 07/01/2016 về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu chỉ đạo điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2016,

Chính phủ đã chỉ đạo: "...2. Thực hiện chính sách tài khóa chủ động, chặt chẽ, tăng cường kỷ luật tài chính, ngân sách

a) Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan Trung ương, địa phương:

... *Khẩn trương xây dựng phương án và lộ trình thực hiện khoán xe ô tô công đối với một số chức danh theo quy định.*"

- Nghị quyết phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 8 năm 2016 số 76/NQ-CP ngày 03/9/2016, Chính phủ đã chỉ đạo Bộ Tài chính: "*Khẩn trương trình Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Quyết định số 32/2015/QĐ-TTg ngày 04 tháng 8 năm 2015 và Quyết định số 58/2015/QĐ-TTg ngày 17 tháng 11 năm 2015.*"

- Tại Chỉ thị số 31/CT-TTg ngày 02/11/2016, Thủ tướng Chính phủ đã chỉ đạo Bộ Tài chính nghiên cứu, xây dựng hoàn thiện chính sách về tiêu chuẩn, định mức xe ô tô công theo hướng "*phấn đấu đến năm 2020 giảm từ 30%-50% số lượng xe ô tô phục vụ công tác chung đang được trang bị cho các Bộ, ngành, địa phương, trừ các đơn vị thuộc địa bàn miền núi, hải đảo, vùng đặc biệt khó khăn; đồng thời xác định lộ trình thực hiện chế độ khoán kinh phí sử dụng xe ô tô áp dụng đối với chức danh thứ trưởng và tương đương, xe ô tô phục vụ công tác chung*".

Từ thực tiễn tình hình quản lý, sử dụng xe công và chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, việc hoàn thiện cơ chế quản lý xe công là cần thiết. Bộ Tài chính trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định thay thế Quyết định số 32/2015/QĐ-TTg theo hướng: tiếp tục điều chỉnh tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô trên cơ sở không gây ảnh hưởng lớn đến việc thực hiện nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị; quy định tiêu chuẩn, định mức trang bị xe công gắn với chức năng nhiệm vụ, biên chế, địa bàn hoạt động; việc bố trí xe ô tô phục vụ công tác được thực hiện theo một trong ba hình thức: trang bị xe ô tô, khoán kinh phí sử dụng xe ô tô, thuê dịch vụ xe ô tô; quy định chế độ quản lý tập trung đối với xe ô tô được trang bị.

Tại Chỉ thị số 31/CT-TTg, Thủ tướng Chính phủ giao Bộ Tài chính trình Quyết định sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quyết định số 32/2015/QĐ-TTg; tuy nhiên, để thuận tiện cho việc tra cứu, áp dụng, Bộ Tài chính trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, ban hành Quyết định thay thế Quyết định số 32/2015/QĐ-TTg ngày 04/8/2015 của Thủ tướng Chính phủ.

II. KẾT CẤU: Dự thảo Quyết định gồm 6 chương, 24 Điều:

Chương I: Quy định chung

Chương II: Tiêu chuẩn, định mức và chế độ quản lý, sử dụng xe ô tô, gồm:

Mục 1: Xe ô tô phục vụ công tác các chức danh lãnh đạo.

Mục 2: Xe ô tô phục vụ công tác chung.

Mục 3: Xe ô tô chuyên dùng, xe ô tô phục vụ sản xuất kinh doanh

Mục 4: Giá mua xe ô tô

Chương III: Khoán kinh phí sử dụng xe và thuê xe dịch vụ

Chương IV: Xử lý xe ô tô dôi dư

Chương V: Trách nhiệm tổ chức thực hiện và xử lý vi phạm

Chương VI: Điều khoản thi hành

III. MỘT SỐ NỘI DUNG CHÍNH CỦA DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH:

1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng (Điều 1 dự thảo):

- Phạm vi điều chỉnh: Cơ bản kế thừa phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng quy định tại Quyết định số 32/2015/QĐ-TTg. Dự thảo lần này quy định rõ hơn phạm vi áp dụng đối với doanh nghiệp là các Tập đoàn kinh tế do Thủ tướng Chính phủ thành lập, các doanh nghiệp nhà nước thuộc các Bộ, ngành, địa phương.

- Quy định rõ 03 nhóm xe: (i) xe ô tô phục vụ công tác của chức danh lãnh đạo, (ii) xe ô tô phục vụ công tác chung và (iii) xe ô tô chuyên dùng.

2. Tiêu chuẩn, định mức và chế độ quản lý, sử dụng xe ô tô phục vụ các chức danh (Điều 3, Điều 4, Điều 5 và Điều 6 Quyết định)

* Kế thừa quy định về tiêu chuẩn, định mức và chế độ bố trí sử dụng với 03 nhóm chức danh quy định tại Điều 3, Điều 4, Điều 5 Quyết định số 32/2015/TTg.

* Đối với chức danh có hệ số phụ cấp chức vụ từ 1,25 trở lên (thứ trưởng và tương đương ở Trung ương; Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Trưởng đoàn Đại biểu Quốc hội chuyên trách các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc các Tập đoàn kinh tế do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập (Điều 6 dự thảo Quyết định): theo quy định tại Quyết định số 32/2015/TTg các chức danh này được bố trí xe đưa đón từ nơi ở đến nơi làm việc và đi công tác, tại dự thảo lần này quy định:

- Đối với công đoạn từ nơi ở đến nơi làm việc và ngược lại: Thực hiện theo hình thức khoán kinh phí (bắt buộc). Trường hợp cần thiết phải bố trí xe phục vụ đưa đón từ nơi ở đến nơi làm việc và ngược lại với các chức danh này, các Bộ, ngành có thể bố trí xe để đưa đón các chức danh này từ nơi ở đến nơi làm việc. Để chặt chẽ, trong trường hợp này, Bộ Tài chính trình Thủ tướng Chính phủ 02 phương án:

+ *Phương án 01:* Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương, Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

+ *Phương án 02:* Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương, Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên xem xét, quyết định.

- Đối với công đoạn đi công tác: Bố trí xe phục vụ công tác chung hoặc nhận khoán kinh phí sử dụng xe hoặc thuê xe dịch vụ.

3. Tiêu chuẩn, định mức và chế độ quản lý, sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung (Điều 7, Điều 8, Điều 9, Điều 10 dự thảo Quyết định):

Căn cứ chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Chỉ thị số 31/CT-TTg ngày 02/11/2016 về tăng cường quản lý, nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản công thì phấn đấu đến năm 2020 giảm từ 30% - 50% số lượng xe ô tô phục vụ công tác chung đang được trang bị cho các Bộ, ngành, địa phương, trừ các đơn vị thuộc địa bàn miền núi, hải đảo, vùng đặc biệt khó khăn; Bộ Tài chính trình Thủ tướng Chính phủ quy định định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung như sau:

3.1. Tại cơ quan Trung ương (Điều 7 dự thảo Quyết định)

a) Cục, Vụ và các tổ chức tương đương thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ: Thống nhất định mức giữa các Vụ, Cục và tương đương thuộc Bộ;

- *Phương án 01*: Giảm định mức sử dụng xe của Cục, Vụ thuộc Bộ (từ 02 xe/01 Cục và 01 xe /01 Vụ) xuống còn 01 xe/01 đơn vị (đối với đơn vị có biên chế từ 50 người trở lên) và 02 đơn vị/01xe (đối với đơn vị có biên chế dưới 50 người). Riêng Văn phòng Bộ, bổ sung thêm 02 xe để phục vụ công tác chung cho các chức danh Thứ trưởng và tương đương khi đi công tác.

- *Phương án 2*: Giảm định mức sử dụng xe của Cục, Vụ thuộc Bộ (từ 02 xe/01 Cục và 01 xe /01 Vụ) xuống còn 02 đơn vị/01xe (đối với đơn vị có biên chế từ 50 người trở lên) và 03 đơn vị/01xe (đối với đơn vị có biên chế dưới 50 người). Riêng Văn phòng Bộ, bổ sung thêm 02 xe để phục vụ công tác chung cho các chức danh Thứ trưởng và tương đương khi đi công tác.

Việc quản lý xe được thực hiện theo phương thức tập trung, Bộ, cơ quan trung ương giao cho một đơn vị quản lý để bố trí cho các chức danh có tiêu chuẩn, sử dụng. Trường hợp trụ sở của đơn vị đóng xa trụ sở của đơn vị quản lý xe tập trung thì Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương giao cho đơn vị trực tiếp quản lý, sử dụng.

b) Tổng cục và tổ chức tương đương thuộc Bộ:

Đối với Cục, Vụ và tổ chức tương đương thuộc Tổng cục:

- *Phương án 01*: Giảm định mức sử dụng xe của vụ thuộc Tổng cục từ 02 đơn vị/01 xe xuống thành 03 đơn vị/01 xe (đối với đơn vị có biên chế dưới 50 người), đơn vị có biên chế từ 50 người trở lên giữ định mức như quy định tại Quyết định 32/2015/QĐ-TTg là 2 đơn vị/1 xe.

- *Phương án 02*: Giảm định mức sử dụng xe của vụ thuộc Tổng cục từ 02 đơn vị/01 xe xuống thành 04 đơn vị/01 xe (không phân biệt số lượng biên chế).

Tổng cục giao một cho một đơn vị quản lý quản lý xe tập trung để bố trí cho các chức danh có tiêu chuẩn sử dụng xe khi đi công tác. Trường hợp đơn vị đóng tại địa bàn xa so với trụ sở của đơn vị được giao quản lý xe tập trung thì Tổng cục trưởng xem xét, quyết định giao cho đơn vị đó trực tiếp quản lý, sử dụng.

Trường hợp Tổng cục có hệ thống ngành dọc, có các Cục đặt tại các địa phương thì vẫn duy trì định mức như quy định tại Quyết định số 32/2015/QĐ-TTg là 01 xe/1 đơn vị và giao các Cục quản lý, sử dụng xe.

3.2. Tại địa phương (Điều 8 dự thảo Quyết định)

a) Cơ quan, đơn vị, tổ chức cấp tỉnh: Tăng định mức sử dụng của Văn phòng ủy ban nhân dân, Văn phòng hội đồng nhân dân cấp tỉnh từ 02 xe/1 đơn

vị lên 04 xe/01 đơn vị; giữ định mức sử dụng xe của Văn phòng Tỉnh ủy như hiện hành là 02 xe/1 đơn vị, giảm định mức các sở, ban, ngành, thuộc Tỉnh từ 02 xe/1 đơn vị xuống 01 xe/1 đơn vị.

Căn cứ tình hình thực tế tại địa phương, Chủ tịch UBND cấp tỉnh xem xét, quyết định giao một đơn vị quản lý xe tập trung; Tỉnh ủy xem xét, quyết định giao cho Văn phòng tỉnh ủy quản lý xe tập trung để bố trí cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý; Văn phòng Hội đồng nhân dân quản lý xe phục vụ công tác của Hội đồng nhân dân.

Trường hợp đơn vị có trụ sở đóng xa so với trụ sở của đơn vị được giao quản lý xe tập trung thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bí thư Tỉnh ủy xem xét, quyết định đơn vị đó trực tiếp quản lý, sử dụng xe để phục vụ công tác.

b) Văn phòng UBND, Hội đồng nhân dân cấp Quận/Vã huyện; Huyện ủy, Thị ủy, Thành ủy thuộc tỉnh:

- *Phương án 01*: Giữ như định mức quy định hiện hành tại Quyết định số 32/2015/QĐ-TTg là 02 xe/1 đơn vị.

- *Phương án 02*: Giảm định mức quy định hiện hành tại Quyết định số 32/2015/QĐ-TTg là 01 xe/1 đơn vị.

Xe ô tô phục vụ công tác tại huyện ủy, HĐND, UBND cấp huyện giao cho Văn phòng UBND cấp huyện quản lý để phục vụ công tác chung cho các chức danh có tiêu chuẩn danh danh các công tác.

c) Cơ quan, đơn vị thuộc các Sở, Ban, ngành: Tại Quyết định số 32/2015/QĐ-TTg quy định được trang bị 01 xe/1 đơn vị nếu có chức danh lãnh đạo có hệ số phụ cấp chức vụ từ 0,7 trở lên; Nay quy định:

- *Phương án 01*: Không trang bị xe cho các đơn vị này; trường hợp chức danh có tiêu chuẩn sử dụng xe khi đi công tác thì được khoán kinh phí hoặc thuê xe dịch vụ. Riêng các cơ quan, tổ chức, đơn vị có trụ sở đóng tại miền núi, hải đảo, vùng đặc biệt khó khăn tiếp tục được trang bị 01 xe.

- *Phương án 02*: Không trang bị xe cho các đơn vị này; trường hợp chức danh có tiêu chuẩn sử dụng xe khi đi công tác thì được khoán kinh phí hoặc thuê xe dịch vụ.

Như vậy, để thực hiện tiêu chuẩn, định mức theo một trong hai phương án nêu trên, số xe ô tô phục vụ công tác chung giảm như sau:

- Thực hiện theo phương án 1: Số xe ô tô phục vụ công tác chung sẽ giảm khoảng 42% so với số xe ô tô phục vụ công tác chung tại thời điểm Quyết định số 32/2015/QĐ-TTg có hiệu lực (ngày 21/9/2015);

- Thực hiện theo phương án 2: Số xe ô tô phục vụ công tác chung sẽ giảm khoảng 62% so với số xe ô tô phục vụ công tác chung tại thời điểm Quyết định số 32/2015/QĐ-TTg có hiệu lực (ngày 21/9/2015).

3.3. Tại doanh nghiệp (Điều 9 dự thảo Quyết định)

Theo quy định hiện hành (Điều 10 Quyết định số 32/2015/QĐ-TTg), doanh nghiệp nhà nước được trang bị xe chức danh và xe phục vụ công tác chung, để giảm đầu xe, giảm chi phí về xe ô tô tại các doanh nghiệp nhà nước so với quy định hiện hành, tăng cường thực hiện cơ chế khoán kinh phí sử dụng xe theo chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài chính trình Thủ

tướng Chính phủ quy định định mức trang bị xe ô tô tại doanh nghiệp nhà nước theo hướng không định mức trang bị xe phục vụ chức danh, chỉ định mức xe phục vụ công tác chung; cụ thể:

- *Các Tập đoàn kinh tế:*

Theo quy định tại Điều 10 Quyết định số 32/2015/QĐ-TTg quy định chức danh Chủ tịch hội đồng quản trị, chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc được bố trí xe chức danh (đưa đón từ nhà đến cơ quan và đi công tác); chức danh là Ủy viên (thành viên) Hội đồng quản trị, Phó Tổng giám đốc được bố trí xe phục vụ công tác chung theo định mức là 02 xe/ 01 đơn vị. Như vậy, mỗi Tập đoàn, Tổng công ty có 04 xe (gồm 02 xe phục vụ chức danh, 02 xe phục vụ công tác chung).

Nay, theo dự kiến tại điểm 2 Tờ trình (Điều 6 dự thảo Quyết định) thì chức danh Chủ tịch hội đồng quản trị, chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc sẽ thực hiện khoản kinh phí đưa đón từ nhà đến nơi làm việc; khi đi công tác sẽ bố trí xe phục vụ công tác chung. Vì vậy, tại dự thảo Quyết định quy định định mức 03 xe để phục vụ công tác chung cho các chức danh Chủ tịch hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc; Ủy viên (thành viên) Hội đồng quản trị, Phó Tổng giám đốc tại các Tập đoàn (giảm 01 xe/đơn vị).

- *Các doanh nghiệp nhà nước thuộc Tập đoàn kinh tế, Bộ, ngành, địa phương:*

Được trang bị tối đa 01 xe phục vụ công tác chung cho các chức danh Giám đốc, Phó giám đốc và các chức danh tương đương tại doanh nghiệp nhà nước (giảm 01 xe so với quy định tại Quyết định số 32/2015/QĐ-TTg)

3.4. Tại Ban Quản lý dự án (Điều 10 dự thảo Quyết định):

Đề hạn chế việc trang bị và sử dụng xe tại các Ban Quản lý Dự án sử dụng vốn nhà nước, dự thảo quy định:

(i) Ban Quản lý dự án chuyên trách hoạt động theo mô hình cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp hoặc doanh nghiệp: Xe phục vụ công tác chung theo quy định của các mô hình này. Không sử dụng vốn vay để mua sắm xe ô tô của Ban Quản lý dự án sử dụng vốn nhà nước. Đối với các dự án đã được trang bị xe trước thời điểm Quyết định này có hiệu lực thì hành được tiếp tục sử dụng đến khi Dự án kết thúc thực hiện xử lý theo quy định tại Quyết định này.

(ii) Ban Quản lý dự án kiêm nhiệm không được trang bị xe ô tô.

(iii) Ban Quản lý dự án sử dụng nguồn vốn phát triển chính thức (ODA) hoặc viện trợ không hoàn lại, việc mua sắm xe ô tô phục vụ công tác của Ban quản lý dự án thực hiện theo quy định của Hiệp định được ký kết hoặc văn kiện dự án đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; trường hợp trong Hiệp định đã được ký kết hoặc văn kiện dự án đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt có quy định việc trang bị xe ô tô nhưng không ghi cụ thể số lượng, giá mua thì việc trang bị theo tiêu chuẩn, định mức quy định tại Quyết định.

Khi đàm phán để ký kết Hiệp định vay vốn ODA mà nhà tài trợ yêu cầu phải mua sắm xe ô tô phục vụ công tác quản lý cho Ban Quản lý dự án khác với quy định của Việt Nam để phục vụ công tác của Ban quản lý dự án thì ngoài việc tuân thủ quy định hiện hành về trình tự, thủ tục ký kết, gia nhập và thực

hiện Điều ước quốc tế, cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ chủ trì đàm phán phải báo cáo Thủ tướng Chính phủ trước khi ký kết Điều ước quốc tế cụ thể đó; không sử dụng vốn vay để mua sắm xe ô tô.

4. Giá mua xe ô tô và điều chỉnh giá mua xe ô tô (Điều 13, Điều 14 dự thảo Quyết định)

- Giá mua xe cơ bản kế thừa quy định tại Quyết định số 32/2015/QĐ-TTg. Riêng giá mua xe 2 cầu Bộ Tài chính đề xuất tăng từ 1.040 triệu đồng lên thành 1.100 triệu đồng (tăng 60 triệu đồng/xe) để phù hợp với giá thị trường của chủng loại xe 2 cầu đáp ứng được nhu cầu đi lại tại các địa bàn miền núi...

- Về thẩm quyền điều chỉnh giá xe ô tô: Kế thừa quy định tại Quyết định số 32/2015/QĐ-TTg.

5. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe chuyên dùng (Điều 11 dự thảo Quyết định):

Tại khoản 1 và khoản 2 Điều 9 Quyết định số 32/2015/QĐ-TTg quy định xe chuyên dùng có 2 nhóm: (i) nhóm 1 là xe gắn kèm trang thiết bị chuyên dùng hoặc có cấu tạo đặc biệt để phục vụ chuyên môn nghiệp vụ của ngành, lĩnh vực; (ii) nhóm 2 là xe có kết cấu bình thường như xe phục vụ công tác chung nhưng sử dụng cho các nhiệm vụ đặc thù của một số cơ quan, đơn vị (như: xe phục vụ công tác kiểm tra giám sát, xe phục vụ công tác thanh tra ...). Thẩm quyền ban hành tiêu chuẩn, định mức xe chuyên dùng giao cho các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các cơ quan khác ở Trung ương (sau khi lấy ý kiến của Bộ Tài chính), Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau khi lấy ý kiến của Thường trực Hội đồng nhân dân cấp tỉnh).

Thực tế thực hiện quy định với nhóm xe chuyên dùng sử dụng cho các nhiệm vụ đặc thù của một số cơ quan, đơn vị (nhóm 2) nêu trên chưa được chặt chẽ và thống nhất. Đặc biệt, sau khi Thủ tướng Chính phủ quy định định mức sử dụng xe phục vụ công tác chung thống nhất từ 1-2 xe/đơn vị và tăng cường việc kiểm tra, giám sát thì việc ban hành tiêu chuẩn, định mức xe chuyên dùng và số lượng xe chuyên dùng tăng lớn so với trước đây.

Vì vậy, Bộ Tài chính trình Thủ tướng Chính phủ quy định về tiêu chuẩn xe chuyên dùng và thẩm quyền ban hành xe định mức xe chuyên dùng như sau:

- Xe ô tô chuyên dùng tại cơ quan, tổ chức, đơn vị, Ban Quản lý dự án, gồm là xe gắn kèm trang thiết bị chuyên dùng hoặc có cấu tạo đặc biệt, dấu hiệu nhận biết theo yêu cầu chuyên môn nghiệp vụ (Danh mục các loại xe chuyên dùng tại phụ lục kèm theo dự thảo Quyết định): Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các cơ quan khác ở Trung ương ban hành định mức xe ô tô chuyên dùng (chủng loại, số lượng) sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Bộ Tài chính; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành tiêu chuẩn, định mức xe ô tô chuyên dùng (chủng loại, số lượng) sau khi có ý kiến của Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp.

- Xe ô tô chuyên dùng còn lại: Thủ tướng Chính phủ quyết định trên cơ sở đề xuất của Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các cơ quan khác ở Trung ương, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

6. Khoản kinh phí sử dụng xe ô tô (Điều 15 dự thảo Quyết định)

Tại Quyết định số 32/2015/QĐ-TTg quy định 03 phương thức bảo đảm xe ô tô phục vụ công tác cho các chức danh có tiêu chuẩn sử dụng xe như quy định tại Quyết định số 59/2007/QĐ-TTg và Quyết định số 61/2010/QĐ-TTg gồm: (i) Bố trí từ số xe hiện có của các cơ quan, tổ chức, đơn vị; (ii) thuê dịch vụ xe ô tô và (iii) khoản kinh phí sử dụng xe ô tô.

Việc áp dụng hình thức cụ thể do Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương, Chủ tịch UBND cấp tỉnh quyết định phù hợp với điều kiện thực tế. Trong đó, hình thức khoản kinh phí sử dụng xe ô tô được thực hiện theo nguyên tắc tự nguyện đăng ký và áp dụng đối với: chức danh thứ trưởng và tương đương; các chức danh có tiêu chuẩn sử dụng xe phục vụ công tác chung. Quy định này đã được áp dụng từ năm 2007 theo Quyết định số 59/2007/QĐ-TTg cho đến nay; tại Quyết định số 32/2015/QĐ-TTg chỉ bổ sung quy định về cách xác định mức khoán (thay cho Bộ Tài chính hướng dẫn như trước đây). Tuy nhiên, từ khi Quyết định số 59/2007/QĐ-TTg có hiệu lực đến nay, việc khoán kinh phí sử dụng xe ô tô hầu như chưa được thực hiện, một vài trường hợp có áp dụng nhưng chỉ duy trì trong một thời gian rất ngắn; vì vậy, thực tiễn để kiểm chứng chính sách còn hạn chế. Nay, một số Bộ, ngành, địa phương bắt đầu triển khai thực hiện hoặc xây dựng phương án để thực hiện khoán kinh phí sử dụng xe ô tô.

Căn cứ chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ tại Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 07/01/2016 và Chỉ thị số 31/CT-TTg ngày 02/11/2016 về việc xây dựng phương án và lộ trình thực hiện khoán xe ô tô công đối với chức danh thứ trưởng và tương đương, xe ô tô phục vụ công tác chung; căn cứ thực tế tình hình triển khai tại một số Bộ, ngành, địa phương, Bộ Tài chính trình Thủ tướng Chính phủ phương án khoán kinh phí sử dụng xe ô tô như sau:

a) Phương án khoán kinh phí sử dụng xe ô tô:

- Chức danh có hệ số phụ cấp từ 1,25 đến thứ trưởng và tương đương, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc các Tập đoàn kinh tế do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập (chức danh quy định tại Điều 6 dự thảo Quyết định): Khoán (bắt buộc) kinh phí sử dụng xe đưa đón từ nơi ở (tại địa bàn đóng trụ sở làm việc) đến cơ quan và ngược lại. Trường hợp đi công tác thì bố trí xe phục vụ công tác chung phục vụ công tác hoặc nhận khoán theo hình thức tự nguyện.

- Chức danh có hệ số phụ cấp lãnh đạo từ 0,7 đến dưới 1,25 và các chức danh được sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung tại Tập đoàn kinh tế và doanh nghiệp nhà nước: Khoán (tự nguyện) kinh phí sử dụng phương tiện khi đi công tác trong nội tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương hoặc bố trí xe phục vụ công tác chung (nếu có).

b) Nguyên tắc xác định mức khoán kinh phí:

Bộ Tài chính trình Thủ tướng Chính phủ xem xét 02 phương án:

- Phương án I: đưa chi phí sử dụng xe vào thu nhập với mức 6.500.000 đ/tháng; mức khoán này được điều chỉnh khi chỉ số CPI tăng, giảm trên 20%;

- Phương án II: mức khoán kinh phí xác định trên cơ sở đơn giá và khoảng cách thực tế đưa đón từ nhà đến cơ quan, khoảng cách đi công tác, Bộ, cơ quan ngang Bộ và địa phương quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định. Theo phương án này, đơn giá khoán thực hiện theo 02 phương án sau:

+ PA 1: đơn giá khoán là 16.000đ/km; được điều chỉnh khi chỉ số CPI tăng, giảm trên 20%.

+ PA 2: quy định nguyên tắc xác định đơn giá khoán là trên cơ sở đơn giá dịch vụ vận chuyển của phương tiện công cộng tương đương trên thị trường tại địa phương. Việc xác định đơn giá khoán cụ thể do Bộ, cơ quan ngang Bộ và địa phương quyết định.

c) Thẩm quyền về khoán kinh phí sử dụng xe

- Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc phân cấp quyết định hình thức, mức khoán cố định theo tháng hoặc thanh toán trên cơ sở khoảng cách thực tế để áp dụng cho các chức danh thuộc phạm vi quản lý, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả trong phạm vi dự toán ngân sách hàng năm được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng thành viên của Tập đoàn quyết định hình thức, mức khoán cố định theo tháng hoặc thanh toán trên cơ sở khoảng cách thực tế để áp dụng cho các chức danh thuộc phạm vi quản lý, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

7. Thuê xe dịch vụ (Điều 16 dự thảo Quyết định):

Cơ bản kế thừa quy định tại Quyết định 32/2015/QĐ-TTg, quy định rõ hơn các trường hợp thuê xe dịch vụ:

Căn cứ điều kiện cụ thể của cơ quan, tổ chức, đơn vị, Ban Quản lý dự án, doanh nghiệp và thực tế cung cấp dịch vụ phương tiện đi lại tại địa phương, thực hiện thuê dịch vụ xe ô tô trong các trường hợp: (i) xe ô tô hiện có không đủ để bố trí phục vụ công tác; (ii) cơ quan, tổ chức, đơn vị có chức danh có tiêu chuẩn sử dụng xe (có hệ số phụ cấp lãnh đạo từ 0,7 trở lên), nhưng không thuộc trường được trang bị xe phục vụ công tác chung; (iii) cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp thuộc đối tượng được trang bị xe nhưng lựa chọn hình thức thuê xe phục vụ công tác (không trang bị xe).

Việc lựa chọn nhà cung cấp dịch vụ cho thuê xe thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

8. Về xử lý xe dôi dư và sắp xếp, bố trí đội ngũ lái xe (Điều 18 dự thảo)

Bộ Tài chính trình Thủ tướng Chính phủ bổ sung quy định về xử lý xe dôi dư và đội ngũ lái xe khi sắp xếp lại xe, khi chuyển từ hình thức trang bị xe sang hình thức thuê hoặc khoán theo hướng:

(1) Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng thành viên Tập đoàn: Căn cứ tiêu chuẩn,

định mức sử dụng xe xác định số lượng xe được trang bị, số lượng xe dôi dư chậm nhất sau 06 tháng kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực; hoàn thành việc xử lý xe dôi dư theo quy định tại điểm (2) dưới đây chậm nhất 12 tháng kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực và gửi báo cáo về Bộ Tài chính về Bộ Tài chính để tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

(2) Phương án xử lý xe ô tô dôi dư: (i) Bán chỉ định cho chức danh đang được trang bị xe (nếu có đề xuất); (ii) Điều chuyển cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị còn thiếu xe so với tiêu chuẩn, định mức hoặc thay thế xe cũ; (iii) bán bán đấu giá.

(3) Bố trí, sắp xếp đội ngũ lái xe: Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Tập đoàn có trách nhiệm bố trí, xếp đội ngũ lái xe khi xử lý xe dôi dư theo quy định của pháp luật về lao động.

9. Một số nội dung còn lại (tổ chức thực hiện, xử lý vi phạm) về cơ bản được kế thừa quy định hiện hành, có điều chỉnh về câu chữ.

II. Ý KIẾN CÁC BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG

.....

III. Ý KIẾN THẨM ĐỊNH CỦA BỘ TƯ PHÁP

.....

Trên cơ sở tiếp thu ý kiến của Bộ Tư pháp, Bộ Tài chính hoàn thiện dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ (thay thế Quyết định số 32/2015/QĐ-TTg) quy định Quy định tiêu chuẩn, định mức và chế độ quản lý, sử dụng xe ô tô tại cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, ban quản lý sự án, doanh nghiệp nhà nước (đính kèm).

Kính trình Thủ tướng Chính phủ xem xét quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Lưu: VT, QLCS.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Số: /2017/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày tháng năm 2017

Dư thảo

QUYẾT ĐỊNH

**Quy định tiêu chuẩn, định mức và chế độ quản lý, sử dụng xe ô tô trong
cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập,
doanh nghiệp nhà nước**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước ngày 03 tháng 6 năm
2008;

Căn cứ Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí ngày 26 tháng 11 năm
2013;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 52/2009/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2009 của
Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản
lý, sử dụng tài sản nhà nước;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính,

Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định quy định tiêu chuẩn, định
mức và chế độ quản lý, sử dụng xe ô tô trong cơ quan nhà nước, đơn vị sự
nghiệp công lập, doanh nghiệp nhà nước.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quyết định này quy định tiêu chuẩn, định mức và chế độ quản lý sử dụng xe ô tô tại cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội được ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí hoạt động, đơn vị sự nghiệp công lập (sau đây gọi chung là cơ quan, tổ chức, đơn vị), Ban Quản lý dự án sử dụng vốn nhà nước (sau đây gọi chung là Ban Quản lý dự án), Tập đoàn kinh tế do Thủ tướng Chính phủ thành lập và doanh nghiệp nhà nước.

2. Xe ô tô quy định tại Quyết định này là xe được hình thành từ nguồn vốn ngân sách, có nguồn gốc ngân sách, nguồn vốn của doanh nghiệp nhà nước (kể cả viện trợ, quà biếu, tặng cho của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước

hoặc được xác lập quyền sở hữu của Nhà nước theo quy định của pháp luật), gồm:

- a) Xe ô tô phục vụ công tác của các chức danh lãnh đạo;
- b) Xe ô tô phục vụ công tác chung;
- c) Xe ô tô chuyên dùng

3. Xe ô tô tại các cơ quan, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an; xe phục vụ công tác của cơ quan Việt Nam ở nước ngoài và xe phục vụ lễ tân đối ngoại của Nhà nước được thực hiện theo quy định riêng của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 2. Nguyên tắc trang bị, quản lý, sử dụng xe ô tô phục vụ công tác

1. Việc bố trí xe ô tô phục vụ công tác được thực hiện theo một trong các hình thức sau:

- a) Khoán kinh phí sử dụng xe ô tô;
- b) Thuê dịch vụ xe ô tô;
- c) Trang bị xe ô tô.

2. Định mức trang bị xe ô tô đối với từng cơ quan, tổ chức, đơn vị, Ban quản lý dự án và doanh nghiệp nhà nước được xác định trên cơ sở tổ chức bộ máy, chức năng nhiệm vụ, biên chế và địa bàn hoạt động.

3. Trường hợp một cán bộ giữ nhiều chức danh có tiêu chuẩn sử dụng xe ô tô thì được áp dụng tiêu chuẩn sử dụng xe theo chức danh cao nhất. Khi người tiền nhiệm nghỉ hưu hoặc chuyển công tác khác mà xe ô tô đã trang bị chưa đủ điều kiện thanh lý thì người mới được bổ nhiệm tiếp tục sử dụng xe ô tô đã trang bị cho người tiền nhiệm, không trang bị xe mới.

4. Nghiêm cấm việc sử dụng xe ô tô quy định tại Quyết định này vào việc riêng; bán, trao đổi, tặng cho, cho mượn, cầm cố, thế chấp hoặc điều chuyển cho bất cứ tổ chức, cá nhân nào khi chưa được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

5. Xe ô tô trang bị cho các chức danh quy định tại Điều 3 và Điều 4 Quyết định này được thay thế theo yêu cầu công tác; Xe ô tô trang bị cho các chức danh quy định tại Điều 5, Điều 7, Điều 8, Điều 9 và Điều 10 Quyết định này được thay thế khi đã sử dụng vượt quá thời gian theo chế độ quy định hoặc sử dụng ít nhất 250.000 km (đối với địa bàn miền núi, vùng hải đảo, vùng đặc biệt khó khăn là 200.000 km) mà không thể tiếp tục sử dụng hoặc bị hư hỏng mà không đảm bảo an toàn khi vận hành. Xe ô tô thay thế được xử lý theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước.

6. Việc mua xe ô tô quy định tại Quyết định này thực hiện theo đúng quy định của pháp luật về mua sắm tài sản nhà nước và chỉ được mua sắm khi đã được quản lý trong dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Chương II
TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC VÀ
CHẾ ĐỘ BỐ TRÍ, SỬ DỤNG XE Ô TÔ

Mục 1

Xe ô tô phục vụ công tác các chức danh lãnh đạo

Điều 3. Chức danh được sử dụng thường xuyên một xe ô tô, kể cả sau khi đã nghỉ công tác

1. Chức danh được sử dụng:

a) Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

b) Chủ tịch nước.

c) Thủ tướng Chính phủ.

d) Chủ tịch Quốc hội.

2. Chế độ quản lý, sử dụng: Trang bị 01 xe ô tô để bố trí, sử dụng thường xuyên, kể cả khi đã nghỉ công tác, không quy định mức giá cụ thể.

Điều 4. Chức danh được sử dụng thường xuyên một xe ô tô trong thời gian công tác

1. Chức danh được sử dụng: Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Phó Chủ tịch nước, Phó Thủ tướng Chính phủ, Phó Chủ tịch Quốc hội, Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Trung ương, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, các chức danh tương đương và các chức danh có hệ số lương khởi điểm từ 10,4 trở lên.

2. Chế độ quản lý, sử dụng: Căn cứ tình hình thực tế tại thời điểm trang bị xe, Thủ tướng Chính phủ quyết định chủng loại xe trang bị cho các chức danh nêu tại khoản 1 Điều này theo đề nghị của Bộ Tài chính. Giá mua xe phù hợp với thị trường tại thời điểm mua sắm.

Điều 5. Chức danh được sử dụng thường xuyên trong thời gian công tác một xe ô tô với giá mua tối đa 1.100 triệu đồng/một xe

1. Chức danh được sử dụng:

a) Trưởng ban của Đảng ở Trung ương, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Chủ tịch Hội đồng Dân tộc của Quốc hội, Ủy viên Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chủ nhiệm các Ủy ban của Quốc hội; Bộ trưởng, Thủ trưởng các cơ quan ngang Bộ, Phó Chủ tịch kiêm Tổng Thư ký Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Trưởng các đoàn thể ở Trung ương, các chức danh tương đương và các chức danh có hệ số lương khởi điểm từ 9,7 trở lên.

b) Bí thư Tỉnh ủy, Thành ủy các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, trừ thành phố Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh.

c) Các chức danh sau đây của thành phố Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh: Phó Bí thư Thành ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố, Trưởng đoàn Đại biểu Quốc hội chuyên trách.

2. Chế độ quản lý, sử dụng: Trang bị một xe ô tô với giá mua tối đa 1.100 triệu đồng/một xe để sử dụng thường xuyên trong thời gian công tác.

Điều 6. Chức danh có tiêu chuẩn được bố trí phương tiện đưa đón từ nơi ở đến nơi làm việc và đi công tác

1. Chức danh được sử dụng:

a) Phó Trưởng ban của Đảng ở Trung ương, Phó Chủ tịch Hội đồng Dân tộc của Quốc hội, Phó Chủ nhiệm Ủy ban của Quốc hội, Phó Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Phó Chánh án Tòa án nhân dân tối cao; Thủ trưởng các cơ quan thuộc Chính phủ, Thủ trưởng, Phó các đoàn thể Trung ương, Bí thư Thường trực Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Phó Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các chức danh lãnh đạo có hệ số phụ cấp chức vụ từ 1,25 trở lên.

b) Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Trưởng đoàn Đại biểu Quốc hội chuyên trách các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

c) Các chức danh sau đây của thành phố Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh: Phó trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội chuyên trách, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Ủy viên Ban Thường vụ Thành ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc.

d) Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc các Tập đoàn kinh tế do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập.

2. Chế độ quản lý, sử dụng:

a) Đưa đón từ nơi ở đến nơi làm việc và ngược lại: Thực hiện theo hình thức khoán kinh phí theo quy định tại Điều 15 Quyết định này. Trường hợp cần thiết bố trí xe đưa đón từ nơi ở đến nơi làm việc và ngược lại:

- Phương án I: Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương, Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

- Phương án II: Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương, Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên xem xét, quyết định.

b) Đi công tác: Bố trí xe phục vụ công tác chung theo quy định tại Điều 7, Điều 8, Điều 9 và Điều 10 Quyết định này hoặc nhận khoán kinh phí sử dụng xe hoặc thuê xe dịch vụ theo quy định tại Điều 15, Điều 16 Quyết định này.

Mục 2

Xe ô tô phục vụ công tác chung

Điều 7. Xe phục vụ công tác chung của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc Trung ương

1. Tiêu chuẩn sử dụng:

a) Chức danh lãnh đạo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 6 Quyết định này được sử dụng xe phục vụ công tác chung khi đi công tác.

b) Chức danh lãnh đạo có hệ số phụ cấp chức vụ từ 0,7 đến dưới 1,25 (không kể kiêm nhiệm): Được sử dụng xe phục vụ công tác chung khi đi công tác ngoài tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi đóng trụ sở làm việc; thực hiện khoán kinh phí sử dụng phương tiện hoặc thuê xe dịch vụ khi đi công tác trong nội tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 Quyết định này.

c) Chức danh không thuộc quy định tại điểm a và điểm b khoản này nhưng có trụ sở đóng tại địa bàn miền núi, vùng hải đảo, vùng đặc biệt khó khăn (có định mức được trang bị xe): Được bố trí xe khi đi công tác tại các địa bàn ngoài huyện lỵ nơi đóng trụ sở làm việc.

2. Định mức và chế độ quản lý, sử dụng của Cục, Vụ và tổ chức tương đương thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội:

a) Định mức sử dụng xe ô tô của Cục, Vụ và tổ chức tương đương thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội:

- *Phương án I:* Có biên chế được giao dưới 50 người được trang bị tối đa 01 xe/02 đơn vị, có biên chế từ 50 người trở lên được trang bị tối đa 01 xe/01 đơn vị. Riêng Văn phòng Bộ trang bị thêm 02 xe để phục vụ chức danh lãnh đạo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 6 Quyết định khi đi công tác.

- *Phương án II:* Có biên chế được giao dưới 50 người được trang bị tối đa 01 xe/03 đơn vị, có biên chế từ 50 người trở lên được trang bị tối đa 01 xe/02 đơn vị. Riêng Văn phòng Bộ, bổ sung thêm 02 xe để phục vụ công tác chung cho các chức danh Thứ trưởng và tương đương.

b) Chế độ quản lý, sử dụng: Việc quản lý xe được thực hiện theo phương thức tập trung. Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội giao một cho một cơ quan, đơn vị hoặc doanh nghiệp công ích quản lý để bố trí phục vụ công tác cho các chức danh có tiêu chuẩn sử dụng xe. Trường hợp trụ sở của cơ quan, tổ chức, đơn vị đóng xa so với trụ sở của đơn vị được giao quản lý xe tập trung thì Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các cơ quan khác ở trung ương xem xét, quyết định giao cho cơ quan, tổ chức, đơn vị này trực tiếp quản lý, sử dụng tối đa không quá 01 xe ô tô để phục vụ công tác.

3. Định mức và chế độ quản lý, sử dụng xe ô tô của Tổng cục và tổ chức tương đương thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan

khác ở trung ương, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội (sau đây gọi tắt là Tổng cục):

a) Cục, Vụ và tương đương thuộc Tổng cục:

- *Phương án I*: Có biên chế được giao dưới 50 người được trang bị tối đa 01 xe/03 đơn vị, có biên chế từ 50 người trở lên được trang bị tối đa 01 xe/02 đơn vị.

- *Phương án II*: 01 xe /04 đơn vị (không phân biệt số lượng biên chế).

Việc quản lý xe được thực hiện theo phương thức tập phương. Tổng cục giao một cho một cơ quan, đơn vị hoặc doanh nghiệp công ích quản lý quản lý xe để bố trí để bố trí phục vụ công tác cho các chức danh có tiêu chuẩn sử dụng xe. Trường hợp trụ sở của cơ quan, tổ chức, đơn vị đóng xa so với trụ sở của đơn vị được giao quản lý xe tập trung thì Tổng cục trưởng xem xét, quyết định giao cho cơ quan, tổ chức, đơn vị này trực tiếp quản lý, sử dụng tối đa không quá 01 xe ô tô để phục vụ công tác.

b) Cục và tổ chức tương đương thuộc Tổng cục có tổ chức bộ máy ngành dọc đóng trên địa bàn các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được trang bị tối đa 01 xe/01 đơn vị.

Điều 8. Tiêu chuẩn, định mức và bố trí, sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc địa phương

1. Tiêu chuẩn sử dụng:

a) Chức danh lãnh đạo quy định tại điểm b và c khoản 1 Điều 6 Quyết định này được sử dụng xe phục vụ công tác chung khi đi công tác.

b) Chức danh lãnh đạo có hệ số phụ cấp chức vụ từ 0,7 đến dưới 1,25 (không kể kiêm nhiệm): Được sử dụng xe phục vụ công tác chung khi đi công tác ngoài tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi đóng trụ sở làm việc; thực hiện khoán kinh phí sử dụng phương tiện hoặc thuê xe dịch vụ khi đi công tác trong nội tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 Quyết định này.

c) Các chức danh không thuộc quy định tại điểm a và điểm b khoản này: Thực hiện theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 7 Quyết định này

2. Định mức và chế độ quản lý, sử dụng:

a) Văn phòng Ủy ban nhân dân, Văn phòng Hội đồng nhân dân cấp tỉnh được trang bị tối đa không quá 04 xe/01 đơn vị; Văn phòng Tỉnh ủy được trang bị tối đa không quá 02 xe/01 đơn vị; Sở, ban, ngành và các tổ chức tương đương, thuộc Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được trang bị tối đa 01 xe/01 đơn vị.

Căn cứ tình hình thực tế tại địa phương, Tỉnh ủy xem xét, quyết định giao cho Văn phòng tỉnh ủy quản lý xe tập trung để bố trí cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý; Hội đồng nhân dân tỉnh giao cho Văn phòng Hội đồng nhân dân quản lý xe tập trung để bố trí cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc

phạm vi quản lý. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định giao một cho một cơ quan, đơn vị hoặc doanh nghiệp công ích quản lý quản lý xe tập trung để bố trí phục vụ công tác cho các lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh, Văn phòng Ủy ban nhân dân, các sở, ban, ngành và tổ chức tương đương thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Trường hợp trụ sở của cơ quan, tổ chức, đơn vị đóng xa so với trụ sở của đơn vị được giao quản lý xe tập trung thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bí thư Tỉnh ủy xem xét, quyết định giao cho cơ quan, tổ chức, đơn vị này trực tiếp quản lý, sử dụng tối đa không quá 01 xe ô tô để phục vụ công tác.

b) Văn phòng Ủy ban nhân dân, Văn phòng Hội đồng nhân dân cấp quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh; Văn phòng quận ủy, huyện ủy, thị ủy, thành ủy thuộc tỉnh:

- *Phương án I*: Được trang bị tối đa 02 xe/01 đơn vị.

- *Phương án II*: Được trang bị tối đa 01 xe/01 đơn vị.

Việc quản lý xe theo phương thức tập trung; giao cho Văn phòng ủy ban nhân dân cấp huyện quản lý để bố trí phục vụ công tác chung cho các chức danh có tiêu chuẩn sử dụng xe trên địa bàn huyện.

c) Cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc Sở, ban, ngành có trụ sở đóng trên địa bàn miền núi, vùng hải đảo, vùng đặc biệt khó khăn:

- *Phương án I*: Được trang bị tối đa 01 xe/01 đơn vị.

- *Phương án II*: Không trang bị xe, các chức danh có tiêu chuẩn sử dụng xe khi đi công tác thì được khoán kinh phí hoặc thuê xe dịch vụ.

Điều 9. Tiêu chuẩn, định mức và chế độ bố trí, sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung tại doanh nghiệp

1. Tại các Tập đoàn:

a) Chức danh được sử dụng xe: Chức danh lãnh đạo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 6 Quyết định này khi đi công tác; Chức danh là Ủy viên (thành viên) Hội đồng quản trị, Phó Tổng giám đốc tại các Tập đoàn.

b) Định mức và chế độ quản lý, sử dụng: Được trang bị tối đa 03 xe phục vụ công tác chung cho các chức danh quy định tại điểm a khoản này.

Tập đoàn giao cho một bộ phận, doanh nghiệp quản lý để phục vụ công tác cho các chức danh có tiêu chuẩn sử dụng xe;

2. Tại các doanh nghiệp nhà nước thuộc Tập đoàn, Bộ, ngành, địa phương:

a) Chức danh được sử dụng xe: Giám đốc, Phó giám đốc và các chức danh tương đương tại doanh nghiệp nhà nước.

b) Định mức và chế độ quản lý, sử dụng: Được trang bị tối đa 01 xe phục vụ công tác chung cho các chức danh quy định tại điểm a khoản này.

Doanh nghiệp nhà nước được trang bị, quản lý và bố trí xe phục vụ công tác cho các chức danh có tiêu chuẩn sử dụng xe.

Điều 10. Tiêu chuẩn, định mức và chế độ quản lý, sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung tại Ban Quản lý dự án

1. Ban Quản lý dự án chuyên trách hoạt động theo mô hình hình đơn vị sự nghiệp hoặc cơ quan nhà nước thực hiện theo quy định tại Điều 7, Điều 8 Quyết định này.

2. Ban Quản lý chuyên trách dự án hoạt động theo mô hình doanh nghiệp nhà nước việc trang bị xe áp dụng theo quy định tại Điều 9 Quyết định này.

3. Ban Quản lý dự án kiêm nhiệm, không thuộc quy định tại điểm a, điểm b khoản này không được trang bị xe ô tô.

4. Ban Quản lý dự án sử dụng nguồn vốn phát triển chính thức (ODA) hoặc viện trợ không hoàn lại, việc mua sắm xe ô tô phục vụ công tác của Ban quản lý dự án thực hiện theo quy định của Hiệp định đã được ký kết hoặc văn kiện dự án đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; trường hợp trong Hiệp định đã được ký kết hoặc văn kiện dự án đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt có quy định việc trang bị xe ô tô nhưng không ghi cụ thể số lượng, giá mua thì việc trang bị xe thực hiện theo quy định tại điểm 1, điểm 2 và điểm 3 khoản này.

Khi đàm phán để ký kết Hiệp định vay vốn ODA mà nhà tài trợ yêu cầu phải mua sắm xe ô tô phục vụ công tác quản lý cho Ban Quản lý dự án khác với quy định của Việt Nam để phục vụ công tác của Ban quản lý dự án thì ngoài việc tuân thủ quy định hiện hành về trình tự, thủ tục ký kết, gia nhập và thực hiện Điều ước quốc tế, cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ chủ trì đàm phán phải báo cáo Thủ tướng Chính phủ trước khi ký kết Điều ước quốc tế cụ thể đó; không sử dụng vốn vay để mua sắm xe ô tô.

5. Khi dự án kết thúc, xe ô tô trang bị phục vụ công tác quản lý dự án của Ban Quản lý dự án bàn giao cho cơ quan tài chính (Bộ Tài chính đối với dự án trung ương quản lý; Sở Tài chính đối với dự án địa phương quản lý) để xử lý theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước.

Mục 3

Xe ô tô chuyên dùng và xe phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh

Điều 11. Xe ô tô chuyên dùng tại cơ quan, tổ chức, đơn vị, Ban Quản lý dự án

1. Xe ô tô chuyên dùng tại cơ quan, tổ chức, đơn vị, Ban Quản lý dự án, gồm:

a) Xe gắn kèm trang thiết bị chuyên dùng hoặc có cấu tạo đặc biệt, dấu hiệu nhận biết theo yêu cầu chuyên môn nghiệp vụ quy định tại Danh mục kèm theo Quyết định này.

b) Xe chuyên dùng khác theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

2. Thẩm quyền ban hành tiêu chuẩn, định mức xe chuyên dùng:

a) Xe chuyên dùng quy định tại điểm a khoản 1 Điều này: Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các cơ quan khác ở Trung ương ban hành định mức xe ô tô chuyên dùng (chủng loại, số lượng) trang bị cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị, Ban Quản lý dự án thuộc phạm vi quản lý sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Bộ Tài chính; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành tiêu chuẩn, định mức xe ô tô chuyên dùng (chủng loại, số lượng) xe chuyên dùng trang bị cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị, Ban Quản lý dự án thuộc phạm vi quản lý sau khi có ý kiến của Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp. Quyết định ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng được gửi Bộ Tài chính và cơ quan kho bạc để thực hiện kiểm soát chi.

b) Xe chuyên dùng quy định tại điểm b khoản 1 Điều này: Bộ Tài chính trình Thủ tướng Chính phủ quyết định trên cơ sở đề xuất của Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các cơ quan khác ở Trung ương, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

3. Giá mua xe ô tô chuyên dùng:

a) Giá mua xe ô tô chuyên dùng: giá mua xe ô tô chuyên dùng quy định tại điểm a khoản 1 Điều này do cơ quan quy định tại khoản 4 Điều này Quyết định;

b) Giá mua xe ô tô chuyên dùng quy định tại điểm b khoản 1 Điều này thực hiện như xe phục vụ công tác chung quy định tại điểm c khoản 1 Điều 13 Quyết định này.

4. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các cơ quan khác ở trung ương quyết định việc mua sắm xe ô tô chuyên dùng đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị, Ban Quản lý dự án thuộc trung ương quản lý; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc mua sắm xe ô tô chuyên dùng đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị, Ban Quản lý dự án thuộc địa phương quản lý theo định mức quy định tại khoản 3 Điều này và mức giá theo quy định tại khoản 2 Điều này.

Điều 12. Xe phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp nhà nước

Xe ô tô phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh dịch vụ của doanh nghiệp nhà nước thực hiện theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp. Chi phí mua sắm, chi phí vận hành phải thực hiện theo quy định của pháp luật về thuế.

Mục 4 Giá mua xe ô tô

Điều 13. Giá mua xe

1. Giá mua xe ô tô:

a) Giá mua xe ô tô phục vụ chức danh theo quy định tại Điều 3, Điều 4, Điều 5 Quyết định này;

b) Giá mua xe phục vụ công tác chung quy định tại Điều 7, Điều 8, Điều 9 và Điều 10 Quyết định này: tối đa 720 triệu đồng/xe; trường hợp cần thiết mua xe từ 12 đến 16 chỗ ngồi hoặc xe ô tô 2 cầu do thường xuyên phải đi công tác tại địa bàn các huyện miền núi, vùng hải đảo, vùng đặc biệt khó khăn thì giá mua xe tối đa là 1.100 triệu đồng/xe.

c) Giá mua xe ô tô chuyên dùng quy định tại điểm b khoản 1 Điều 11 Quyết định này thực hiện như xe phục vụ công tác chung quy định tại điểm b khoản này.

2. Giá mua xe ô tô quy định tại khoản 1 Điều này là giá mua đã bao gồm các loại thuế phải nộp theo quy định của pháp luật; chưa bao gồm lệ phí trước bạ, lệ phí cấp biển số xe, phí bảo hiểm, phí đăng kiểm, phí bảo trì đường bộ liên quan đến việc sử dụng xe. Trường hợp xe ô tô được miễn các loại thuế thì phải tính đủ số thuế được miễn để xác định tiêu chuẩn, định mức. Trường hợp điều chuyển, tiếp nhận thì giá xe ô tô làm căn cứ xác định tiêu chuẩn, định mức là giá trị còn lại của xe ô tô.

3. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở Trung ương quyết định đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị, Ban Quản lý dự án, doanh nghiệp nhà nước thuộc Trung ương quản lý; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị, Ban Quản lý dự án, doanh nghiệp nhà nước thuộc địa phương quản lý; Chủ tịch Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty quyết định đối với việc mua xe phục vụ công tác chung của Tập đoàn và doanh nghiệp nhà nước thuộc phạm vi quản lý.

Điều 14. Thẩm quyền điều chỉnh giá mua xe ô tô

1. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các cơ quan khác ở Trung ương hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định đối với mức giá mua xe ô tô cao hơn không quá (5%) mức giá quy định tại Quyết định này đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị, Ban Quản lý dự án thuộc phạm vi quản lý.

2. Chủ tịch Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty xem xét, quyết định mức giá mua xe ô tô cao hơn không quá (5%) mức giá quy định tại Quyết định này đối với công ty nhà nước thuộc phạm vi quản lý.

3. Bộ trưởng Bộ Tài chính xem xét, quyết định đối với các trường hợp giá mua xe ô tô cao hơn mức giá quy định tại Quyết định này, tối đa không quá 15%.

4. Khi giá xe ô tô phổ biến trên thị trường tăng, giảm trên 20% so với các mức giá quy định tại Quyết định này, Bộ trưởng Bộ Tài chính báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định điều chỉnh cho phù hợp.

CHƯƠNG III KHOẢN KINH PHÍ SỬ DỤNG XE VÀ THUÊ XE DỊCH VỤ

Điều 15. Khoản kinh phí sử dụng xe ô tô

1. Khoản kinh phí sử dụng xe ô tô trong các trường hợp sau:

a) Xe ô tô phục vụ chức danh quy định tại Điều 6 Quyết định này: thực hiện khoản (bắt buộc) kinh phí đưa đón từ nhà đến cơ quan và ngược lại. Trường hợp đi công tác nội thành, đi sân bay, đi công tác các địa phương khác (không đi bằng máy bay) được bố trí xe ô tô phục vụ công tác chung để phục vụ công tác hoặc nhận khoán theo phương thức tự nguyện.

b) Xe ô tô phục vụ công tác chung theo quy định tại Điều 7, Điều 8, Điều 9 và Điều 10 Quyết định này: thực hiện khoản kinh phí sử dụng phương tiện khi đi công tác trong nội nội tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi đóng trụ sở làm việc và đi sân bay. Trường hợp đi công tác tại địa phương khác (không đi bằng máy bay) được bố trí xe phục vụ công tác chung để phục vụ công tác hoặc nhận khoán theo phương thức tự nguyện.

2. Nguyên tắc xác định mức khoản kinh phí:

Bộ Tài chính trình Thủ tướng Chính phủ xem xét 02 phương án:

- Phương án I: thực hiện khoản kinh phí với mức 6.500.000 đ/tháng; mức khoản này được điều chỉnh khi chỉ số CPI tăng, giảm trên 20%;

- Phương án II: mức khoản kinh phí xác định trên cơ sở đơn giá và khoảng cách thực tế đưa đón từ nhà đến cơ quan, khoảng cách đi công tác, Bộ, cơ quan ngang Bộ và địa phương quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định. Theo phương án này, đơn giá khoản thực hiện theo 02 phương án sau:

+ PA 1: đơn giá khoản là 16.000đ/km; được điều chỉnh khi chỉ số CPI tăng, giảm trên 20%.

+ PA 2: đơn giá khoản được xác định trên cơ sở đơn giá dịch vụ vận chuyển của phương tiện công cộng tương đương trên thị trường tại địa phương. Việc xác định đơn giá khoản cụ thể do Bộ, cơ quan ngang Bộ và địa phương quyết định.

3. Thẩm quyền quyết định mức khoản:

a) Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc phân cấp quyết định hình thức, mức khoản cố định theo tháng hoặc thanh toán trên cơ sở khoảng cách thực tế để áp dụng cho các chức danh thuộc phạm vi quản lý, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả trong phạm vi dự toán ngân sách hàng năm được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng thành viên của Tập đoàn quyết định hình thức, mức khoán cố định theo tháng hoặc thanh toán trên cơ sở khoảng cách thực tế để áp dụng cho các chức danh thuộc phạm vi quản lý, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

Điều 16. Thuê xe dịch vụ

1. Căn cứ điều kiện cụ thể, thực tế cung cấp dịch vụ phương tiện đi lại của thị trường, cơ quan, tổ chức, đơn vị, Ban Quản lý dự án, doanh nghiệp nhà nước thực hiện thuê dịch vụ xe ô tô phục vụ công tác chung, xe ô tô chuyên dùng trong các trường hợp sau:

- a) Xe ô tô hiện có không đủ để bố trí phục vụ công tác;
- b) Cơ quan, tổ chức, đơn vị có chức danh có tiêu chuẩn sử dụng xe (có hệ số phụ cấp lãnh đạo từ 0,7 trở lên), nhưng không thuộc trường được trang bị xe phục vụ công tác chung theo quy định tại Điều 7 Quyết định này;
- c) Cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp thuộc đối tượng được trang bị xe phục vụ công tác chung và xe chuyên dùng theo quy định tại Điều 7, Điều 8 Quyết định này nhưng không thực hiện trang bị xe mà lựa chọn hình thức thuê xe dịch vụ để phục vụ công tác.

2. Việc lựa chọn nhà cung cấp dịch vụ cho thuê xe thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

CHƯƠNG IV XỬ LÝ XE Ô TÔ DÔI DƯ

Điều 17. Quy định về xử lý xe dôi dư

1. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng thành viên Tập đoàn:

- a) Căn cứ tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe quy định tại Quyết định này xác định số lượng xe được trang bị, số lượng xe dôi dư gửi báo cáo về Bộ Tài chính chậm nhất sau 06 tháng kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực;
- b) Hoàn thành việc xử lý xe dôi dư theo quy định tại khoản 2 Điều này và gửi kết quả về Bộ Tài chính chậm nhất 12 tháng kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực.

2. Xe ô tô dôi dư được xử lý như sau:

- a) Bán chỉ định cho chức danh quy định Điều 6 Quyết định này (trường hợp chức danh đang sử dụng xe có đề xuất mua lại).
- b) Điều chuyển cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị còn thiếu xe so với tiêu chuẩn, định mức hoặc thay thế xe cũ.
- c) Bán đấu giá theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước và pháp luật về đấu giá.

Điều 18. Bố trí, sắp xếp đội ngũ lái xe

Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Tập đoàn có trách nhiệm bố trí, xếp đội ngũ lái xe khi xử lý xe dôi dư theo quy định của pháp luật về lao động.

CHƯƠNG V

TRÁCH NHIỆM TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 19. Trách nhiệm của Bộ Tài chính

1. Chủ trì và phối hợp với các Bộ, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hướng dẫn thực hiện Quyết định này.

2. Phối hợp với các Bộ, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tiến hành kiểm tra, đôn đốc việc chấp hành các quy định về trang bị, quản lý, sử dụng phương tiện đi lại trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị, Ban Quản lý dự án, công ty nhà nước theo Quyết định này.

Điều 20. Trách nhiệm của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở Trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và các Tập đoàn do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập

Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, các cơ quan khác ở Trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Chủ tịch Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch Công ty căn cứ quy định tại Quyết định này thực hiện:

1. Ban hành tiêu chuẩn, định mức xe ô tô chuyên dùng theo thẩm quyền quy định tại Điều 11 Quyết định này chậm nhất 06 tháng kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực. Việc mua sắm chỉ được thực hiện sau khi ban hành tiêu chuẩn, định mức xe chuyên dùng.

2. Tổ chức thực hiện việc khoán kinh phí sử dụng xe theo quy định tại Quyết định này;

3. Xác định số lượng xe được sử dụng của các cơ quan, tổ chức đơn vị, doanh nghiệp nhà nước thuộc phạm vi quản lý theo đúng tiêu chuẩn, định mức quy định tại Quyết định này; xác định số xe dôi dư và tổ chức xử lý xe dôi dư theo quy định tại Quyết định này báo cáo về Bộ Tài chính trước ngày.../2017 để xem xét, xử lý, tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

3. Ban hành Quy chế quản lý, sử dụng xe ô tô của các cơ quan, tổ chức, đơn vị, Ban Quản lý dự án, doanh nghiệp nhà nước thuộc phạm vi quản lý đảm bảo việc quản lý, sử dụng xe ô tô theo đúng tiêu chuẩn, định mức quy định tại Quyết định này và pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước. Nội dung của Quy chế bao gồm:

a) Quy định về trang bị, quản lý, sử dụng, sửa chữa, bảo dưỡng, xử lý xe ô tô;

b) Quy định cụ thể việc xác định mức khoán kinh phí, thanh toán tiền khoán kinh phí sử dụng xe ô tô;

c) Quy định về thuê xe ô tô phục vụ công tác

d) Quy định về quyền và nghĩa vụ của các cơ quan, tổ chức, đơn vị, Ban Quản lý dự án, doanh nghiệp nhà nước và cá nhân có liên quan;

đ) Quy định về xử lý vi phạm trong quản lý, sử dụng xe ô tô;

e) Các nội dung khác có liên quan.

4. Công khai việc quản lý, sử dụng xe ô tô phục vụ công tác, xe ô tô chuyên dùng theo quy định của pháp luật về công khai quản lý, sử dụng tài sản nhà nước.

5. Bộ Quốc phòng, Bộ Công an căn cứ quy định tại Quyết định này để xây dựng tiêu chuẩn, định mức và chế độ quản lý sử dụng xe ô tô của ngành và thống nhất với Bộ Tài chính trước khi trình Thủ tướng Chính phủ quyết định.

Điều 21. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, đơn vị, Ban Quản lý dự án và doanh nghiệp nhà nước

1. Thực hiện việc quản lý, sử dụng xe ô tô theo đúng tiêu chuẩn, định mức tại Quyết định này.

2. Thực hiện việc quản lý số xe ô tô hiện có theo phương án của các Bộ, ngành và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

3. Hạch toán và công khai chi phí sử dụng xe, chi phí khoán kinh phí sử dụng xe, thuê xe phục vụ công tác tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị, Ban Quản lý dự án và doanh nghiệp nhà nước theo quy định của pháp luật.

Điều 22. Xử lý vi phạm trong việc mua sắm, trang bị, quản lý, sử dụng xe ô tô

1. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở Trung ương, Chủ tịch Hội đồng thành viên (hoặc Chủ tịch Công ty); Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm đối với việc mua sắm, trang bị, quản lý, sử dụng xe ô tô phục vụ công tác của các cơ quan, tổ chức, đơn vị, Ban Quản lý dự án và công ty nhà nước thuộc phạm vi quản lý theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước, Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, Luật Doanh nghiệp và các quy định của pháp luật có liên quan.

2. Người ra quyết định mua sắm xe ô tô không đúng thẩm quyền, không đúng tiêu chuẩn, định mức, chủng loại phải bồi thường thiệt hại và tùy theo mức độ vi phạm bị xử lý kỷ luật theo quy định của pháp luật.

3. Đối với việc quản lý, sử dụng xe ô tô không đúng quy định, Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị và cá nhân liên quan phải chịu trách nhiệm; tùy theo tính chất, mức độ của hành vi vi phạm và mức thiệt hại mà phải bồi thường thiệt

hại, đồng thời bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật.

4. Xe ô tô mua không đúng tiêu chuẩn, vượt giá quy định, vượt định mức bị thu hồi để xử lý theo quy định của pháp luật về tài sản nhà nước.

Chương VI **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 23. Điều khoản thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2017. Quyết định này thay thế Quyết định số 32/2015/QĐ-TTg ngày 04 tháng 8 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc quy định tiêu chuẩn, định mức và chế độ quản lý, sử dụng xe ô tô trong cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

Điều 24. Trách nhiệm thi hành

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Thủ trưởng cơ quan khác ở Trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc công ty nhà nước và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Các Tập đoàn, Tổng công ty do TTCP thành lập;
- VPCP: BTCN, các PCN, Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, KTTT (5b). XH

THỦ TƯỚNG

Nguyễn Xuân Phúc

DANH MỤC XE Ô TÔ CHUYÊN DỤNG
(Kèm theo Quyết định số...../2017/QĐ-TTg
ngày / /2017 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Loại xe chuyên dùng
1	Xe cứu thương
2	Xe cứu hỏa
3	Xe chở tiền, tài sản có giá trị như tiền (trên 16 chỗ ngồi)
4	Xe chở phạm các loại
5	Xe quét đường
6	Xe phun nước
7	Xe chở rác
8	Xe ép rác
9	Xe sửa chữa lưu động
10	Xe trang bị phòng thí nghiệm
11	Xe thu phát điện báo
12	Xe sửa chữa điện
13	Xe kéo
14	Xe cân cầu
15	Xe phát truyền hình, truyền thanh lưu động
16	Xe thanh tra giao thông
17	Xe chở diễn viên đi biểu diễn (trên 16 chỗ ngồi)
18	Xe chở vận động viên đi luyện tập và thi đấu (trên 16 chỗ ngồi)
19	Xe tải
20	Xe lễ tân Nhà nước
21	Xe chở biên lai ấn chỉ (trên 16 chỗ ngồi)
22	Xe ca
23	Xe khám và điều trị bệnh nhân lưu động
24	Xe đưa đón giáo viên, học sinh (trên 16 chỗ ngồi)
25	Xe phát sóng lên vệ tinh
26	Xe văn hóa thông tin lưu động
27	Xe chở chó nghiệp vụ